



BÁO CÁO THỬ NGHIỆM
ẮC QUY SỬ DỤNG CHO XE MÔ TÔ ĐIỆN, XE GẮN MÁY ĐIỆN
TEST REPORT
OF TRACTION BATTERIES USED FOR ELECTRIC MOTORCYCLES, MOPEDS

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện
According to National Technical Regulation on traction batteries used for electric motorcycles, mopeds

QCVN 91:2024/BGTVT

Loại sản phẩm
Product type

: Ắc quy Chì axít sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện

Ký hiệu sản phẩm
Component code

: 99-6-DZM-20-01A

Cơ sở đăng ký thử nghiệm
Name of client

: Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thái Tập

Mục lục
Structure of the Test Report

- 1 Thông tin chung/ General information
- 2 Sản phẩm thử nghiệm/ Test product
- 3 Kết quả thử nghiệm/ Test result
- 4 Chú ý/ Remark
- 5 Đánh giá kỹ thuật/ Technical assessment

1. Thông tin chung/ General Information

- 1.1. Cơ sở đăng ký thử nghiệm / Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thái Tập
Name of client
- 1.2. Địa chỉ / Thôn Móng Làng (Nr Lê Văn Thái), xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Address of client
- 1.3. Căn cứ để thử nghiệm/ Basis for test

- Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Văn bản đề nghị thử nghiệm số 001/TT ngày 24/03/2025 của Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thái Tập
- Giấy đề nghị thử nghiệm số 089/VAQ-ĐKTN ngày 18/3/2025 của Phòng Chất lượng xe cơ giới - Cục Đăng kiểm Việt Nam

- 1.4. Ngày giao đủ hồ sơ và mẫu thử/ Date of full delivery of document & sample 24/03/2025

2. Sản phẩm thử nghiệm/ Test product

- 2.1. Tên sản phẩm/ Product name Ác quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện
- 2.2. Loại sản phẩm/ Product type Ác quy Chì axit sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện
- 2.3. Nhãn hiệu/ Mark (Trademark) SKY-E
(Thể hiện ở dạng biểu tượng/phiên âm ra tiếng Latinh; chữ in hoa; xem ảnh chụp tại Phụ lục 1)
- 2.4. Tên thương mại/ Commercial name /
- 2.5. Mã kiểu loại/ Model code 6-DZM-20 (12V20AH)
- 2.6. Ký hiệu sản phẩm Component code 99-6-DZM-20-01A
- 2.7. Mã phụ tùng/ Part number /
- 2.8. Số lượng mẫu/ Sample quantity 15
- 2.9. Ảnh chụp mẫu thử nghiệm/ Photograph(s) of test sample Phụ lục / Annex 1
- 2.10. Thông tin về sản phẩm (đăng ký bởi cơ sở ĐKTN)
Product's information registered by client Phụ lục / Annex 2

3. Kết quả thử nghiệm/ Test result

- 3.1. Yêu cầu chung/ General requirement Đạt / Pass
- 3.2. Đặc tính điện/ Electrical characteristic
- 3.2.1. Điện áp danh định/ Rated Voltage Đạt / Pass
- 3.2.2. Dung lượng danh định/ Rated Capacity Đạt / Pass
- 3.2.3. Tính năng phóng điện với dòng điện lớn/ High current discharge function Đạt / Pass
- 3.3. Đặc tính an toàn/ Safe characteristic
- 3.3.1. Nạp điện quá mức/ Over charge Đạt / Pass
- 3.3.2. Phóng điện quá mức/ Over discharge Đạt / Pass
- 3.3.3. Khả năng chịu rung/ Vibratory resistance ability Đạt / Pass
- 3.3.4. Ngắn mạch/ Short circuit /
- 3.3.5. Ngâm nước/ Soaked in water /
- 3.3.6. Thả rơi/ Drop free /
- 3.3.7. Chèn ép/ Crush /

4. Chú ý/Remark

- 4.1. Báo cáo thử nghiệm bị tẩy xóa, sửa chữa sẽ không có giá trị./ Erased or modified test report will be invalid.
- 4.2. Kết quả trong báo cáo thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử tại thời điểm thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin có trên mẫu thử; chất lượng và thông số kỹ thuật của mẫu thử đã trả lại cho cơ sở đăng ký thử nghiệm./ The results in the test report are only valid for the sample at the time of testing. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the information on sample; quality and specifications of the sample returned to the client
- 4.3. Loại phương tiện, loại sản phẩm, nhãn hiệu, tên thương mại, số loại, mã kiểu loại, mã nhận dạng khung, ký hiệu thiết kế, ký hiệu sản phẩm, mã phụ tùng, nguồn gốc, số khung, VIN, số động cơ của sản phẩm thử nghiệm được ghi theo thông tin trên văn bản của cơ sở đề nghị/ đăng ký thử nghiệm. Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới không chịu trách nhiệm về các thông tin của cơ sở đề nghị/ đăng ký thử nghiệm trong hồ sơ thử nghiệm và các vấn đề liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, sở hữu trí tuệ, các loại thuế (thuế xuất khẩu, nhập khẩu...), giá trị thương mại đối với sản phẩm đăng ký thử nghiệm. / Vehicle type, component type, mark, trade mark, commercial name, model code, frame code, design code, component code, part number, origin, chasis No., VIN, engine No are in accordance with the client's registration document. Vietnam Motor Vehicle Testing Center is not liable for the information registered by the client in the test records and matters related to origin, trademark, industrial design, intellectual property, taxes (export tax, import tax ...), commercial value of the registered product.

5. Đánh giá kỹ thuật/ Technical assessment

MẫuẮc quy nêu trên được thử nghiệm và thỏa mãn QCVN 91:2024/BGTVT đối với các hạng mục nêu tại mục 3 của báo cáo.

The above samples of battery were tested and complied with QCVN 91:2024/BGTVT for the items mentioned in item 3 of the report.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

/ Date

TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM XE CƠ GIỚI
VIETNAM MOTOR VEHICLE TESTING CENTER



KT. GIÁM ĐỐC/ ON BEHALF OF DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR
Trần Bách Khải

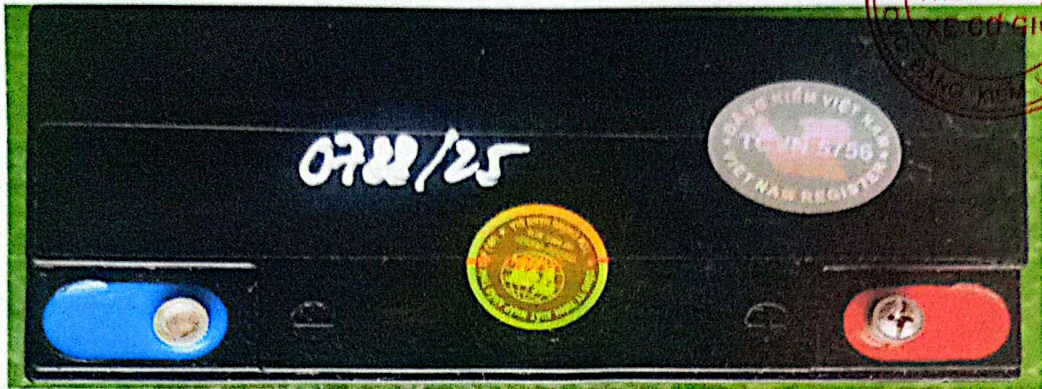
Soát xét/ Checker Nguyễn Văn Tiến

Đăng kiểm viên/ Inspector Nguyễn Hoài Bắc

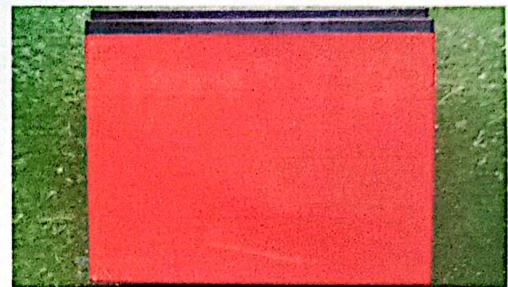
ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM
PHOTOGRAPHS OF TEST SAMPLE



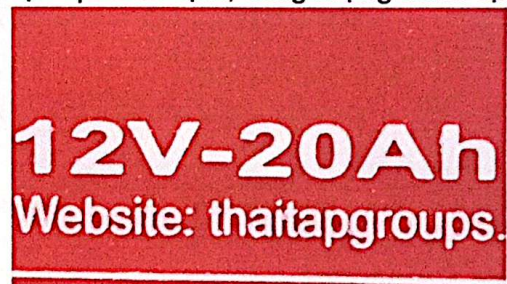
ẢNH CHỤP MẪU THỬ NGHIỆM
PHOTOGRAPHS OF TEST SAMPLE



Nhãn hiệu



Điện áp danh định, dung lượng danh định



* Ghi chú: Tổ hợp ắc quy 48V (12x4) và tổ hợp ắc quy 60V (12x5)



THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM (đăng ký bởi cơ sở ĐKTN)
Product's information registered by client

- | | |
|--|---|
| 1. Loại ắc quy
<i>Type of the battery</i> | Ắc quy chì axit |
| 2. Điện áp danh định (V)
<i>Rated voltage</i> | 12 |
| 3. Dung lượng danh định C ₃ (Ah)
<i>Rated capacity C₃</i> | 20 |
| 4. Điện áp ngưỡng (V)
<i>Threshold voltage</i> | 10,5 |
| 5. Số lượng đơn thể / ngăn (n)
<i>Number of cell</i> | 6 |
| 6. Điện áp danh định của một đơn thể / ngăn (V)
<i>Rated voltage of cell</i> | 2 |
| 7. Cơ sở sản xuất
<i>Manufacturer</i> | Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thái Tập |
| 8. Địa chỉ cơ sở sản xuất
<i>Address of Manufacturer</i> | Thôn Móng Làng (Nr Lê Văn Thái), xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh |
| 9. Nhà máy sản xuất
<i>Production Plant</i> | Công ty TNHH xuất nhập khẩu Thái Tập - Chi nhánh Tiên Du |
| 10. Địa chỉ nhà máy sản xuất
<i>Address of Production Plant</i> | Lô C4, Đường N2, KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh |
| 11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
<i>Importer</i> | / |
| 12. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu
<i>Declaration of imported goods</i> | / |